

Bài giảng môn:
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC
(Dành cho khối không chuyên lý luận chính trị)

Chương 6

VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI



Thông tin giảng viên:

ThS. Trịnh Bá Phương.

Giảng viên thỉnh giảng

Khoa Chính trị - Hành chính, ĐHQG-HCM

ĐT: 0376333654

Mail: phuongtbhcmue@gmail.com

Thông tin phản ánh chuyên môn:

TS. MẠCH THỊ KHÁNH TRINH

Phó Trưởng Bộ môn LL và KHCT

Khoa Chính trị - Hành chính, ĐHQG-HCM

ĐT: 0916123260

Mail: trinhmach1973@gmail.com



I. DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CNXH

II. TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CNXH

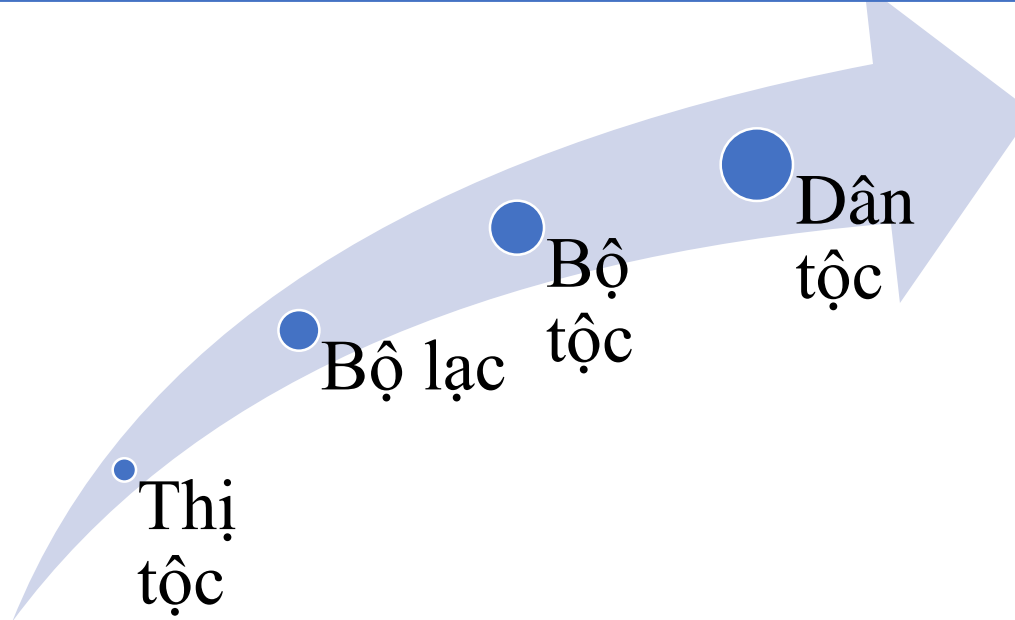
III. QUAN HỆ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM

I. DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI



1. KHÁI NIỆM DÂN TỘC

Dân tộc là sản phẩm của quá trình phát triển lâu dài các hình thức cộng đồng người trong lịch sử



Nguyên nhân: Sự thay đổi của phương thức sản xuất

1. KHÁI NIỆM DÂN TỘC

SỰ HÌNH THÀNH CỦA DÂN TỘC

Phương Tây

Khi phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa được xác lập

Loại hình dân tộc tư bản chủ nghĩa

Phương Đông

Sự thúc đẩy của quá trình dựng nước, giữ nước

Loại hình dân tộc tiền tư bản chủ nghĩa

1. KHÁI NIỆM DÂN TỘC

Dân tộc

Dân tộc – quốc gia

là khái niệm dùng để chỉ một cộng đồng người ổn định làm thành nhân dân một quốc gia, nghĩa là toàn bộ nhân dân của một nước

Dân tộc – tộc người

là khái niệm dùng để chỉ một cộng đồng tộc người được hình thành trong lịch sử, là một bộ phận hay thành phần dân cư của quốc gia

1. KHÁI NIỆM DÂN TỘC

Dân tộc – quốc gia có các đặc trưng cơ bản sau:

Có chung một vùng lãnh thổ ổn định

Có chung phương thức sinh hoạt kinh tế

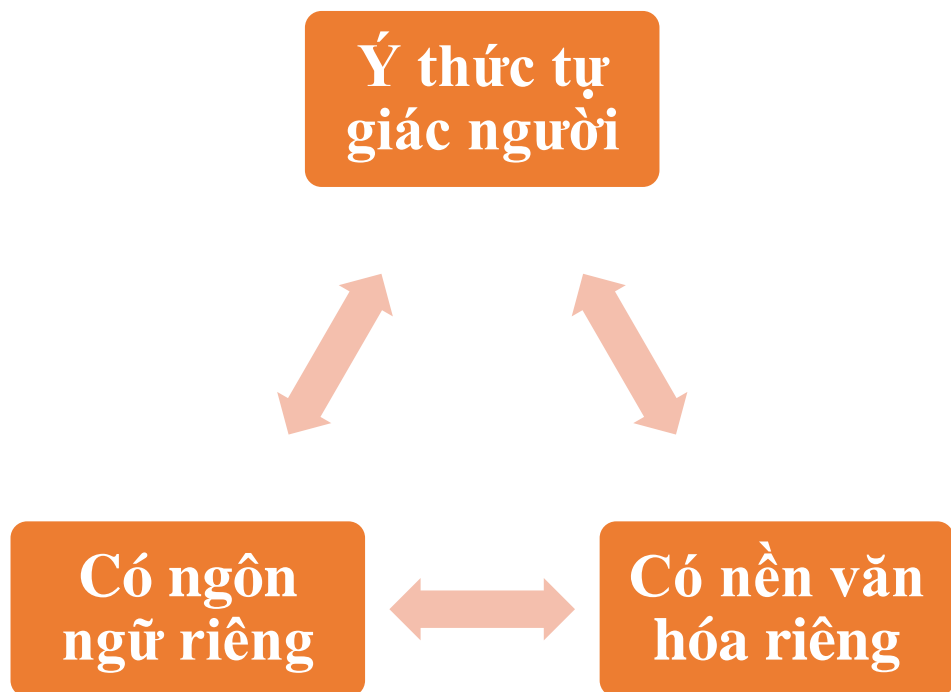
Có chung một nhà nước (nhà nước dân tộc) và một thể thống pháp luật thống nhất

Có chung một ngôn ngữ làm công cụ giao tiếp

Có chung một nền văn hóa và tâm lý dân tộc

1. KHÁI NIỆM DÂN TỘC

Dân tộc – tộc người có các đặc trưng cơ bản sau:



1. KHÁI NIỆM DÂN TỘC

Dân tộc

Dân tộc – quốc gia

Dân tộc – quốc gia bao hàm dân tộc – tộc người

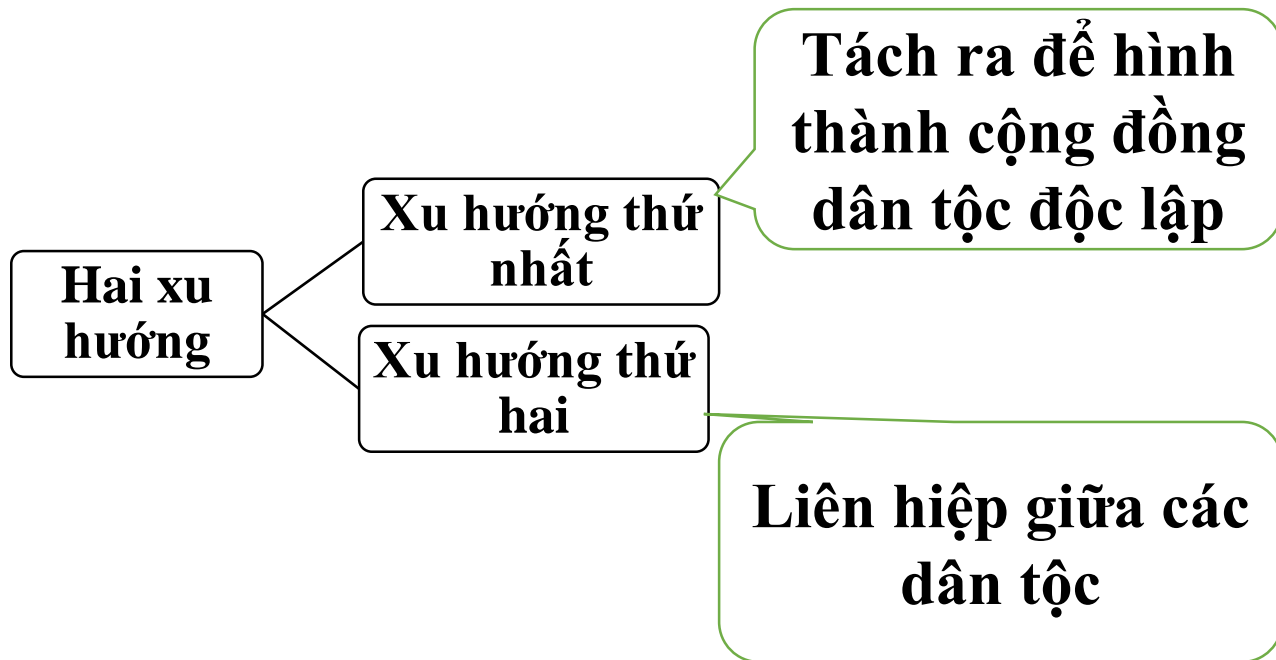
Dân tộc – tộc người

Hai cách hiểu gắn bó mật thiết với nhau, không tách rời nhau

Dân tộc – tộc người là bộ phận hình thành dân tộc – quốc gia

2. CHỦ NGHĨA MÁC LÊNIN VỀ DÂN TỘC

XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA DÂN TỘC



XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA DÂN TỘC

XU HƯỚNG THỨ NHẤT

- Nguyên nhân: Do thức tỉnh, trưởng thành về ý thức dân tộc, về quyền sống của mình
- Biểu hiện: Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc
- Ví dụ: CM Tháng Tám (VN), phong trào giải phóng Châu Phi, Mỹ Latinh

XU HƯỚNG THỨ HAI

- Nguyên nhân: Do sự phát triển của lực lượng sản xuất, KH – CN, giao lưu kinh tế và văn hóa xóa bỏ hàng rào ngăn cách giữa các dân tộc
- Biểu hiện: Sự sáp nhập các dân tộc – quốc gia với nhau, sự hình thành liên minh quốc tế



2. CHỦ NGHĨA MÁC LÊNIN VỀ DÂN TỘC

XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA DÂN TỘC HIỆN NAY

Trong phạm vi một quốc gia

Xu hướng thứ nhất

Nỗ lực đi tới tự do,
bình đẳng và phồn
vinh của dân tộc
mình

Xu hướng thứ hai

Các dân tộc trong
một quốc gia xích
lại gần nhau, hòa
hợp với nhau ở mức
độ cao hơn

2. CHỦ NGHĨA MÁC LÊNIN VỀ DÂN TỘC

XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA DÂN TỘC HIỆN NAY

Phạm vi quốc tế

Xu hướng thứ nhất

Bảo vệ vững chắc
độc lập, chủ quyền,
thống nhất và toàn
vẹn lãnh thổ của các
quốc gia

Đấu tranh chống kỳ
thị dân tộc, phân
biệt dân tộc

Xu hướng thứ hai

Sự liên minh của
các dân tộc ở phạm
vi khu vực và toàn
cầu

Hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc có sự thống nhất biện chứng với nhau trong tiến trình phát triển của mỗi quốc gia và của toàn nhân loại

2. CHỦ NGHĨA MÁC LÊNIN VỀ DÂN TỘC

CƯƠNG LĨNH DÂN TỘC

Cơ sở cương lĩnh

Mối quan hệ giữa
dân tộc và giai
cấp

Hai xu hướng
phát triển khác
quan

Kinh nghiệm
phong trào cách
mạng

Nội dung cương lĩnh

Các dân tộc hoàn
toàn bình đẳng

Các dân tộc được
quyền tự quyết

Liên hiệp công
nhân tất cả dân tộc

2. CHỦ NGHĨA MÁC LÊNIN VỀ DÂN TỘC

CƯỜNG LĨNH DÂN TỘC

Các dân
tộc hoàn
toàn bình
đẳng

Là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của các dân tộc – quốc gia, dân tộc tộc người

Nội dung:

+ Không phân biệt dân tộc lớn hay nhỏ, trình độ phát triển cao hay thấp, các dân tộc đều có nghĩa vụ và quyền lợi ngang nhau trên tất cả lĩnh vực của đời sống xã hội

+ Không dân tộc nào được giữ đặc quyền, đặc lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa hay đi áp bức, bóc lột dân tộc khác

~~Đảm bảo trên cơ sở Pháp lý và thực hiện trên thực tế~~
Đảm bảo trên cơ sở Pháp lý và thực hiện trên thực tế cấp, xóa bỏ tình trạng áp bức dân tộc => độc lập dân tộc

2. CHỦ NGHĨA MÁC LÊNIN VỀ DÂN TỘC

CƯƠNG LĨNH DÂN TỘC

Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng

Trong một quốc gia đa dân tộc: quyền bình đẳng giữa các dân tộc phải được hiến pháp, pháp luật bảo vệ; thể hiện trong cuộc sống khắc phục sự chênh lệch giữa các dân tộc trên tất cả các lĩnh vực.

Giữa các quốc gia dân tộc với nhau: gắn liền với quá trình đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa Sô – vanh nước lớn, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, dân tộc hẹp hòi...



CƯƠNG LĨNH DÂN TỘC

Là quyền của các dân tộc tự quyết định lấy vận mệnh dân tộc mình, quyền tự lựa chọn chế độ chính trị và con đường phát triển của dân tộc mình

Các dân tộc được quyền tự quyết

Nội dung:

- + Quyền tách ra thành lập một quốc gia dân tộc độc lập**
- + Quyền tự nguyện liên hiệp với dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng**

Biện pháp thực hiện: Xuất phát từ thực tiễn – cụ thể, giữ vững lập trường giai cấp công nhân, đảm bảo thống nhất giữa lợi ích dân tộc và lợi ích của giai cấp công nhân

2. CHỦ NGHĨA MÁC LÊNIN VỀ DÂN TỘC

CƯỜNG LĨNH DÂN TỘC

Các dân tộc được
quyền tự quyết

Quyền dân tộc tự quyết không đồng nhất với “quyền” phân lập thành một quốc gia độc lập của các tộc người thiểu số trong một quốc gia đa dân tộc.

Kiên quyết chống lại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực phản động, thù địch lợi dụng chiêu bài “dân tộc tự quyết” để can thiệp vào nội bộ của các nước hoặc kích động đòi ly khai dân tộc

CƯƠNG LĨNH DÂN TỘC

Liên hiệp
công nhân
tất cả các
dân tộc

Đây vừa là nội dung, vừa là giải pháp thực hiện Cương lĩnh

Nội dung phản ánh sự thống nhất giữa giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp; phản ánh sự gắn bó chặt chẽ giữa tinh thần chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế chân chính

Là cơ sở vững chắc để đoàn kết các tầng lớp nhân dân lao động thuộc các dân tộc trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội

Chương 6 Vấn đề Dân tộc và Tôn giáo trong TKQĐ lên CNXH

CƯƠNG LĨNH DÂN TỘC

Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác Lênin là cơ sở lý luận quan trọng để Đảng Cộng sản vận dụng thực hiện chính sách dân tộc trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.



3. DÂN TỘC VÀ QUAN HỆ DÂN TỘC Ở VN

ĐẶC ĐIỂM QUAN HỆ DÂN TỘC Ở VIỆT NAM

Có sự chênh lệch về số dân
giữa các tộc người

Giữa 1 dân tộc đa số với 53 dân tộc thiểu

số

Giữa các dân tộc thiểu số với nhau



Chính sách dân số phù hợp với từng dân
tộc => có điều kiện duy trì nòi giống, tổ
chức cuộc sống, bảo tồn, phát triển văn
hóa

3. DÂN TỘC VÀ QUAN HỆ DÂN TỘC Ở VN

ĐẶC ĐIỂM QUAN HỆ DÂN TỘC Ở VIỆT NAM

Các dân tộc cư trú xen kẽ nhau

Không có lãnh thổ tộc người riêng, không có một dân tộc nào ở Việt Nam cư trú tập trung và duy nhất trên một địa bàn



- + Thuận lợi: Tăng cường giao lưu hiểu biết, giúp đỡ nhau
- + Khó khăn: Dễ nảy sinh mâu thuẫn, tạo kẽ hở cho kẻ địch lợi dụng, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc

3. DÂN TỘC VÀ QUAN HỆ DÂN TỘC Ở VN

ĐẶC ĐIỂM QUAN HỆ DÂN TỘC Ở VIỆT NAM

Các dân tộc thiểu số phân bố ở chủ yếu ở địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng

Cư trú rải rác trên $\frac{3}{4}$ diện tích lãnh thổ và ở những vị trí trọng yếu về kinh tế, an ninh, quốc phòng, môi trường sinh thái

Một số dân tộc có quan hệ đồng tộc với dân tộc các nước láng giềng và trong khu vực



Cần có chương trình chính sách phát triển đặc thù về kinh tế - xã hội, quan hệ tộc người xuyên biên giới và vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa

3. DÂN TỘC VÀ QUAN HỆ DÂN TỘC Ở VN

ĐẶC ĐIỂM QUAN HỆ DÂN TỘC Ở VIỆT NAM

Các dân tộc có trình độ phát triển không đều

Chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, dân trí, khoa học – công nghệ, mức độ tham gia vào lĩnh vực chính trị



Cần quan tâm trong xây dựng chủ trương, đường lối, chính sách vì mục tiêu bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc

3. DÂN TỘC VÀ QUAN HỆ DÂN TỘC Ở VN

ĐẶC ĐIỂM QUAN HỆ DÂN TỘC Ở VIỆT NAM

Các dân tộc Việt Nam có truyền thống đoàn kết gắn bó lâu đời trong cộng đồng dân tộc – quốc gia thống nhất

Nhu cầu phải hợp sức, hợp quần để cùng đấu tranh chống giặc ngoại xâm và cải biến tự nhiên

Truyền thống quý báu, động lực quan trọng quyết định mọi thắng lợi của dân tộc trong các giai đoạn lịch sử

3. DÂN TỘC VÀ QUAN HỆ DÂN TỘC Ở VN

ĐẶC ĐIỂM QUAN HỆ DÂN TỘC Ở VIỆT NAM

Mỗi dân tộc có bản sắc văn hóa riêng, góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng của nền văn hóa Việt Nam thống nhất



3. DÂN TỘC VÀ QUAN HỆ DÂN TỘC Ở VN

Quan điểm của Đảng, Nhà nước Việt Nam về vấn đề dân tộc

Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là vấn đề cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam

Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển, cùng nhau phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp cách mạng.



3. DÂN TỘC VÀ QUAN HỆ DÂN TỘC Ở VN

**Quan điểm của Đảng, Nhà nước Việt Nam
về vấn đề dân tộc**

Phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh - quốc phòng trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi

Quan tâm phát triển, bồi dưỡng nguồn nhân lực; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số, giữ gìn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số

3. DÂN TỘC VÀ QUAN HỆ DÂN TỘC Ở VN

**Quan điểm của Đảng, Nhà nước Việt Nam
về vấn đề dân tộc**

**Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc và
miền núi**

**Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ
của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành và
toàn bộ hệ thống chính trị**

3. DÂN TỘC VÀ QUAN HỆ DÂN TỘC Ở VN

Chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về vấn đề dân tộc

Các Nghị quyết chính

Công tác Dân tộc

Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực DTTS 2016-2020, định hướng 2030

Các chương trình chính

Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo 134, 135 pha 1&2, 30a

Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững 2016-2020

Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển KT-XH vùng đông bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030 (đang được soạn thảo)

Công tác Dân tộc

Chiến lược công tác dân tộc đến 2020

Đề án Bảo tồn, phát triển văn hóa các DTTS Việt Nam đến 2020

Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển KT-XH vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2020

Đề án Phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS trong thời kỳ mới

Đề án Tăng cường vai trò của người có uy tín trong vùng DTTS

Đề án Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng DTTS 2018-2025

Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng DTTS, vùng khó khăn giai đoạn 2016 - 2020

Đề án Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đông bào DTTS phát triển KT-XH và đảm bảo an ninh trật tự vùng đông bào DTTS Việt Nam giai đoạn 2019 - 2025

3. DÂN TỘC VÀ QUAN HỆ DÂN TỘC Ở VN

**Chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam
về vấn đề dân tộc**

Về kinh tế

Xây dựng và thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với đặc điểm, điều kiện để khai thác thế mạnh của từng vùng, từng dân tộc

Từng bước khắc phục sự phát triển chênh lệch về thu nhập, mức sống giữa các dân tộc

3. DÂN TỘC VÀ QUAN HỆ DÂN TỘC Ở VN

**Chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam
về vấn đề dân tộc**

Về chính trị

Nâng cao tính tích cực chính trị của công dân, nâng cao nhận thức của đồng bào thiểu số về tầm quan trọng của vấn đề dân tộc, đoàn kết các dân tộc. Thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc vì mục tiêu chung là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh



3. DÂN TỘC VÀ QUAN HỆ DÂN TỘC Ở VN

Chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về vấn đề dân tộc

Về văn hóa

Tôn trọng lợi ích, truyền thống văn hóa, ngôn ngữ, tập quán, tín ngưỡng của đồng bào các dân tộc

Từng bước nâng cao dân trí cho đồng bào các dân tộc

Tạo điều kiện và môi trường để đồng bào các dân tộc nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần, chủ thể trong sáng tạo và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc

3. DÂN TỘC VÀ QUAN HỆ DÂN TỘC Ở VN

**Chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam
về vấn đề dân tộc**

Về xã hội

Thực hiện chính sách xã hội, đảm bảo an sinh xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Thực hiện bình đẳng, công bằng xã hội trong phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, dân số, y tế, giáo dục, chú ý tới đặc thù mỗi vùng, mỗi dân tộc



3. DÂN TỘC VÀ QUAN HỆ DÂN TỘC Ở VN

**Chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam
về vấn đề dân tộc**

Về an ninh quốc phòng

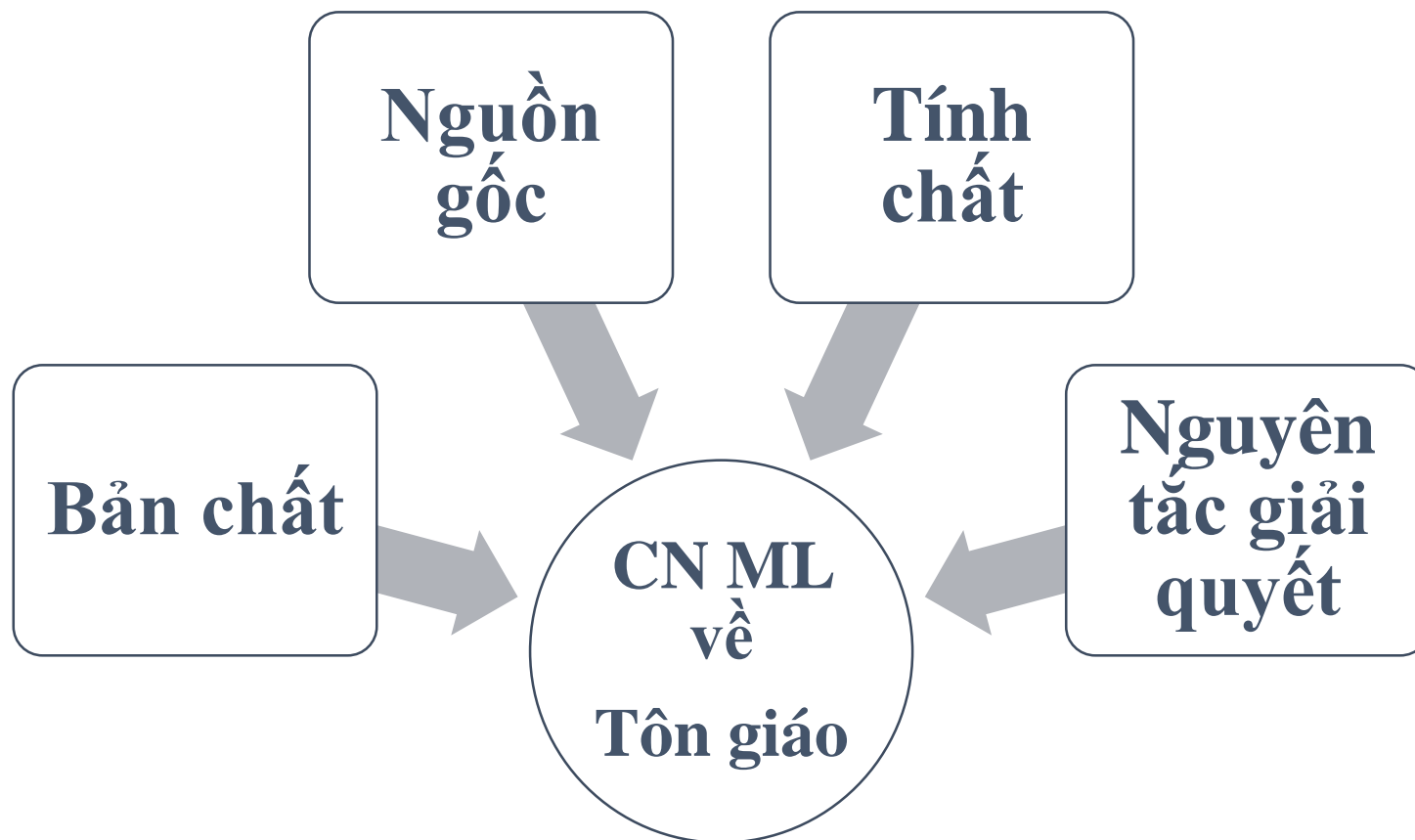
**Tăng cường sức mạnh bảo vệ tổ quốc trên cơ sở đảm bảo ổn định chính trị, thực hiện tốt an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.
Phối hợp chặt chẽ các lực lượng trên từng địa bàn
Tăng cường quan hệ quân dân, tạo thế trận quốc phòng toàn dân trong vùng đồng bào dân tộc sinh sống**



TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

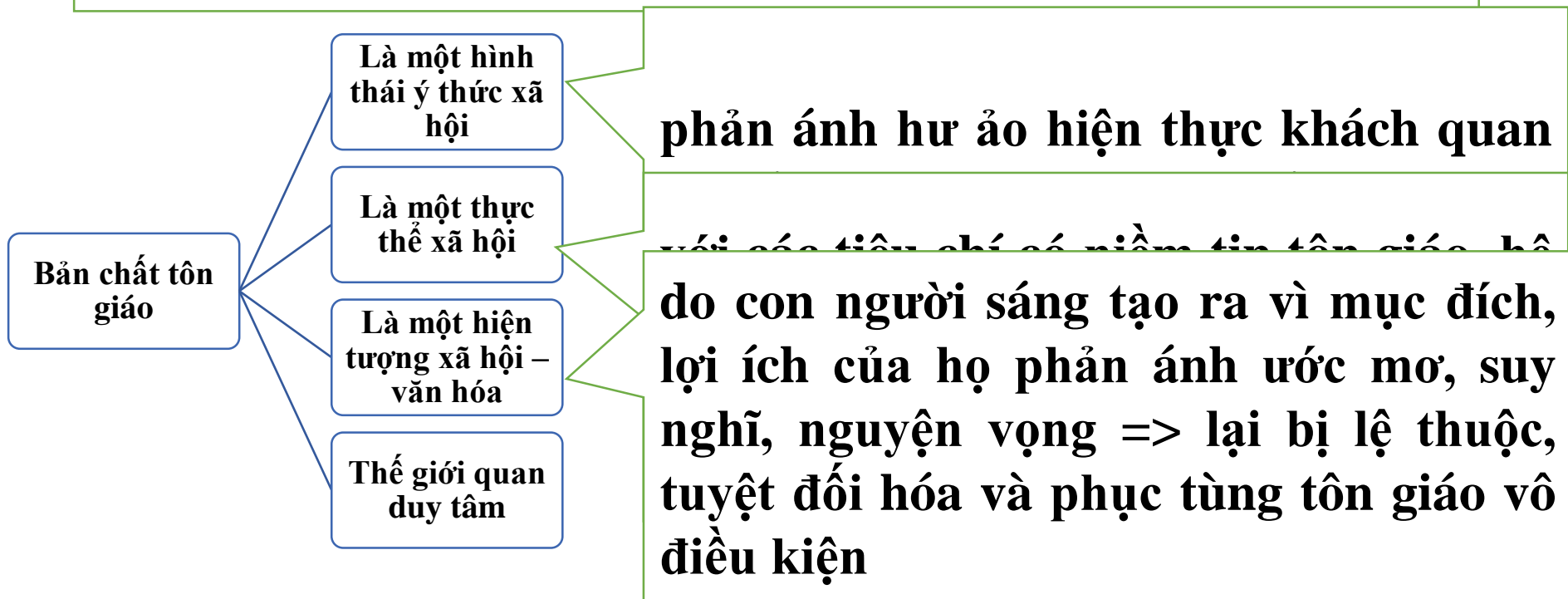


1. CHỦ NGHĨA MÁC LÊNIN VỀ TÔN GIÁO



1. CHỦ NGHĨA MÁC LÊNIN VỀ TÔN GIÁO

Quan niệm của chủ nghĩa Mác – Lênin về bản chất tôn giáo



1. CHỦ NGHĨA MÁC LÊNIN VỀ TÔN GIÁO

Phân biệt tôn giáo, tín ngưỡng và mê tín dị đoan

Tín ngưỡng

- Là hệ thống những niềm tin, sự ngưỡng mộ, lòng biết ơn cũng như cách thể hiện điều đó của con người với một lực lượng siêu nhiên, thần bí để cầu mong sự che chở, giúp đỡ

Mê tín, dị đoan

- Mê tín là niềm tin mê muội, viển vông, không dựa trên một cơ sở khoa học nào.
- Dị đoan là sự suy đoán, hành động một cách tùy tiện, sai lệch những điều bình thường, chuẩn mực trong cuộc sống.

=> Hành vi cực đoan, sai lệch quá mức, trái với các giá trị văn hóa, đạo đức, pháp luật, gây tổn hại cho cá nhân, xã hội và cộng đồng.

1. CHỦ NGHĨA MÁC LÊNIN VỀ TÔN GIÁO

Quan niệm của chủ nghĩa Mác – Lênin về nguồn gốc tôn giáo

**Tôn giáo có
nguồn gốc
từ đâu?**

**Tự nhiên,
kinh tế -
xã hội**

Nhận thức

Tâm lý

Quan niệm của chủ nghĩa Mác – Lênin về nguồn gốc tôn giáo

**Nguồn gốc tự nhiên,
kinh tế - xã hội**

Trong xã hội nguyên thủy: bất lực trước sức mạnh của tự nhiên, nên gán cho tự nhiên những sức mạnh, quyền lực thần bí

Trong xã hội có giai cấp: con người bị bóc lột, bị áp bức, bất công nhưng không lý giải được và trông chờ vào sự giải phóng của một lực lượng siêu nhiên ngoài trần thế

1. CHỦ NGHĨA MÁC LÊNIN VỀ TÔN GIÁO

Quan niệm của chủ nghĩa Mác – Lênin về nguồn gốc tôn giáo

Nguồn gốc nhận thức

Trong một giai đoạn nhất định nhận thức của con người là có giới hạn. Khi những điều khoa học chưa giải thích được thì điều đó được con người tìm lời giải thích trong tôn giáo

Khi khoa học có thể giải thích được nhưng do trình độ dân trí thấp, chưa thể nhận thức đầy thì vẫn là điều kiện, mảnh đất cho tôn giáo ra đời, tồn tại và phát triển

Quan niệm của chủ nghĩa Mác – Lênin về nguồn gốc tôn giáo

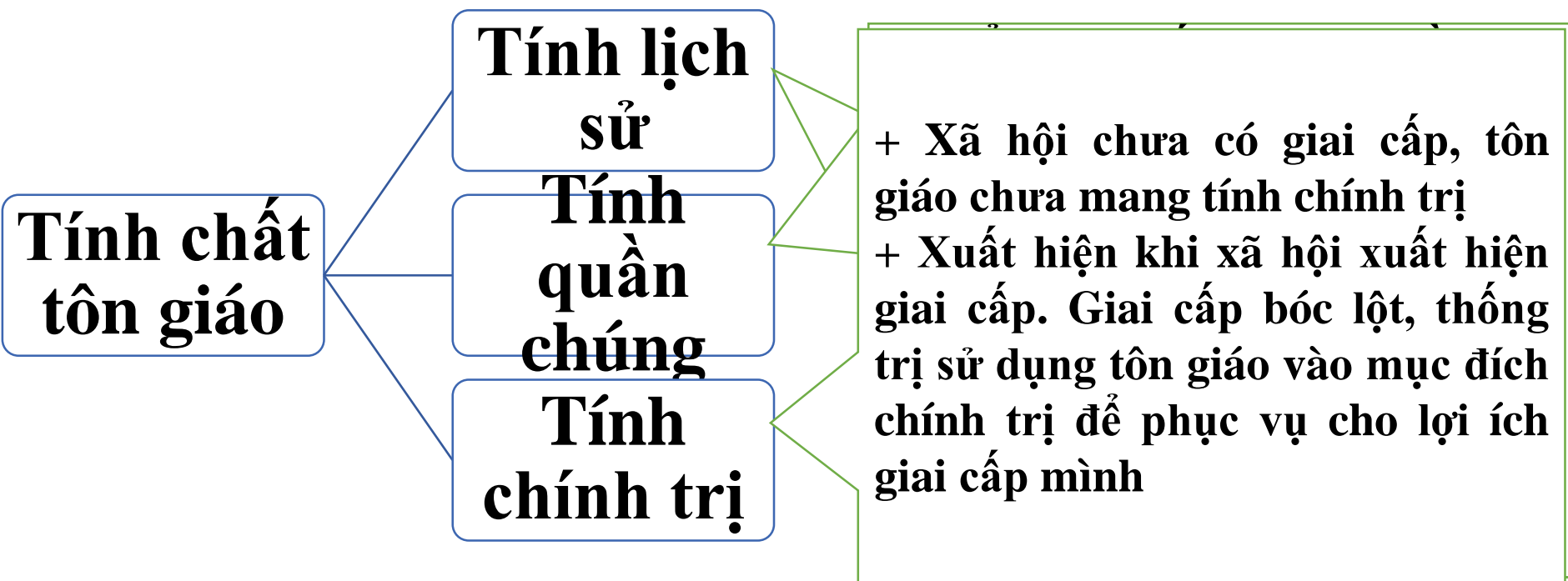
Nguồn gốc tâm lí

Sự sợ hãi trước các hiện tượng tự nhiên, xã hội, những lúc ốm đau, bệnh tật, những may rủi bất ngờ xảy ra hay tâm lí muốn bình yên khi làm một việc lớn

Những tình cảm tích cực như tình yêu, lòng biết ơn, lòng kính trọng đối với những người có công với nước, với dân dễ dẫn tới tôn giáo

1. CHỦ NGHĨA MÁC LÊNIN VỀ TÔN GIÁO

Quan niệm của chủ nghĩa Mác – Lênin về tính chất tôn giáo



1. CHỦ NGHĨA MÁC LÊNIN VỀ TÔN GIÁO

Chức năng của tôn giáo

**Thế giới
quan**

**Đền bù
hư ảo**

**Điều
chỉnh
hành vi
đạo đức**

**Liên kết cộng
đồng, truyền tải,
bảo lưu văn hóa**

1. CHỦ NGHĨA MÁC LÊNIN VỀ TÔN GIÁO

Quan niệm của chủ nghĩa Mác – Lênin về các nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân.

Khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

Phân biệt hai mặt chính trị và tư tưởng; tín ngưỡng, tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo trong quá trình giải quyết vấn đề tôn giáo

Có quan điểm lịch sử cụ thể trong giải quyết vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo.

1. CHỦ NGHĨA MÁC LÊNIN VỀ TÔN GIÁO

**Các nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo
trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội**

Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân

Là quyền tự do tư tưởng của nhân dân, không một cá nhân, tổ chức nào, kể cả các chức sắc tôn giáo, tổ chức giáo hộiđược can thiệp vào sự lựa chọn tín ngưỡng hay không tín ngưỡng của nhân dân

Thể hiện bản chất ưu việt cả chế độ xã hội chủ nghĩa. Các tôn giáo và hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng phương tiện phục vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu tín ngưỡng của người dân được nhà nước xã hội chủ nghĩa tôn trọng và bảo hộ

1. CHỦ NGHĨA MÁC LÊNIN VỀ TÔN GIÁO

**Các nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo
trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội**

**Khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo phải gắn liền với quá trình
cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới**

Không chủ trương can thiệp vào công việc nội bộ của tôn giáo

Xác lập được một thế giới hiện thực không có áp bức, bất công, nghèo đói và thất học cũng như tệ nạn nảy sinh trong xã hội => xóa bỏ ảo tưởng nảy sinh trong tư tưởng con người, phải xóa bỏ nguồn gốc sinh ra ảo tưởng ấy

1. CHỦ NGHĨA MÁC LÊNIN VỀ TÔN GIÁO

**Các nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo
trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội**

Phân biệt hai mặt chính trị và tư tưởng của tôn giáo trong quá trình giải quyết vấn đề tôn giáo

Mặt chính trị gắn với nhà nước, luật pháp, chính sách; mặt tư tưởng gắn với ý thức, tinh thần

Phân biệt nhằm khắc phục khuynh hướng cực đoan trong quá trình quản lí, ứng xử với những vấn đề liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo

1. CHỦ NGHĨA MÁC LÊNIN VỀ TÔN GIÁO

**Các nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo
trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội**

Có quan điểm lịch sử cụ thể trong giải quyết vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo

Ở thời kì lịch sử khác nhau, vai trò, tác động của từng tôn giáo đối với đời sống khác nhau. Quan điểm, thái độ của giáo hội, giáo sĩ, giáo dân về những lĩnh vực luôn có sự khác biệt

Cần có quan điểm lịch sử cụ thể khi xem xét, đánh giá và ứng xử đối với những vấn đề liên quan đến tôn giáo và từng tôn giáo cụ thể

2. TÔN GIÁO VÀ CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM

Đặc điểm quan hệ tôn giáo ở Việt Nam

Việt Nam là một quốc gia có nhiều tôn giáo: có 16 tôn giáo được tư cách pháp nhân với khoảng 24 triệu tín đồ tôn giáo

Tôn giáo ở Việt Nam đa dạng, đan xen, chung sống hòa bình và không có xung đột, chiến tranh tôn giáo



2. TÔN GIÁO VÀ CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM

Đặc điểm quan hệ tôn giáo ở Việt Nam

Các tín đồ các tôn giáo Việt Nam phần lớn là nhân dân lao động, có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc

Hàng ngũ chức sắc tôn giáo có vai trò, vị trí quan trọng trong giáo hội, có uy tín, ảnh hưởng với tín đồ

Các tôn giáo ở Việt Nam đều có quan hệ với các tổ chức, cá nhân tôn giáo ở nước ngoài



2. TÔN GIÁO VÀ CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM

Chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng tôn giáo hiện nay

- Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.
- Đảng và Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau với nhau, đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và không theo tôn giáo.



2. TÔN GIÁO VÀ CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM

Chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng tôn giáo hiện nay

- Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng
- Công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị
- Việc theo đạo, truyền đạo phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật. Nghiêm cấm các tổ chức truyền đạo, người truyền đạo và các cách thức truyền đạo trái phép, vi phạm các quy định của Hiến pháp và pháp luật.



III. QUAN HỆ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM

Quan hệ dân tộc và tôn giáo là gì?

Là sự liên kết, tác động qua lại, chi phối lẫn nhau giữa dân tộc với tôn giáo trong nội bộ một quốc gia, hoặc giữa các quốc gia với nhau trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội
=> ảnh hưởng lớn đến sự ổn định chính trị và phát triển bền vững của mỗi quốc gia, đặc biệt là các quốc gia đa dân tộc và đa tôn giáo



III. QUAN HỆ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM

Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo; quan hệ dân tộc và tôn giáo được thiết lập và củng cố trên cơ sở cộng đồng quốc gia – dân tộc thống nhất

Mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tín ngưỡng và tôn giáo đoàn kết, ý thức rõ về cội nguồn, về quốc gia dân tộc thống nhất, cùng chung sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Trong lịch sử phát triển của dân tộc, nhất là khi có ĐCS VN lãnh đạo, quan hệ dân tộc và tôn giáo được giải quyết không dẫn đến xung đột

III. QUAN HỆ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM

Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam chịu sự chi phối mạnh mẽ bởi tín ngưỡng truyền thống

Tín ngưỡng truyền thống biểu hiện ở nhiều cấp độ từ gia đình, dòng họ, làng xã tới quốc gia không phân biệt dân tộc, tôn giáo đều có tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, anh hùng dân tộc, những người có công....

Văn hóa hay tôn giáo từ bên ngoài du nhập vào muốn “cắm rễ” và phát triển trên lãnh thổ Việt Nam đều phải biến đổi ít nhiều để phù hợp

III. QUAN HỆ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM

Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

Các hiện tượng tôn giáo mới có xu hướng phát triển mạnh làm ảnh hưởng đến đời sống cộng đồng và khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Xuất hiện nhiều hiện tượng tôn giáo lạ có tính chất mê tín khá rõ: Long Hoa Di Lặc, Tin lành Vàng chữ, Thanh Hải vô thượn sư....

Các tổ chức đội lốt tôn giáo như Tin lành Đê Ga,.....=>gây ra nhiều vấn đề phức tạp và tác động tiêu cực đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

III. QUAN HỆ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM

**Định hướng giải quyết
mối quan hệ dân tộc và tôn giáo**

Tăng cường mối quan hệ tốt đẹp giữa các dân tộc và tôn giáo, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết tôn giáo là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài và cấp bách của cách mạng Việt Nam



III. QUAN HỆ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM

**Định hướng giải quyết
mọi quan hệ dân tộc và tôn giáo**

Giải quyết mọi quan hệ dân tộc và tôn giáo phải đặt trong mối quan hệ với cộng đồng quốc gia - dân tộc thống nhất theo định hướng xã hội chủ nghĩa

III. QUAN HỆ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM

Định hướng giải quyết mọi quan hệ dân tộc và tôn giáo

Giải quyết mọi quan hệ dân tộc và tôn giáo phải bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, quyền của các dân tộc thiểu số, đồng thời kiên quyết đấu tranh chống lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo vào mục đích chính trị